

**PHỤ LỤC SỐ 04
APPENDIX 04**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
ANNUAL REPORT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

(Promulgated with the Circular No 155/2015/TT-BTC on October 06, 2015 of the Ministry of Finance guiding the Information disclosure on securities markets)

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN/ANNUAL REPORT
CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT VINH
Năm 2016**

I. Thông tin chung/ *General information*

1. Thông tin khái quát/ *General information*

1.1. Thông tin về công ty:

- Tên giao dịch/ *Trading name*: **Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Vinh**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/*Certificate of business registration No*: **2900383711**, đăng ký lần đầu ngày 30/05/1998, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 12/01/2016.
- Vốn điều lệ/ *Charter capital*: **13.138.000.000** đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Owner's capital*: **13.138.000.000** đồng
- Địa chỉ/*Address*: **Số 25B, đường Lê Ninh, phường Quán Bàu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.**
- Số điện thoại/*Telephone*: **0238 3853 157.**
- Số fax/*Fax*: **0238 3854 806.**
- Website: **<http://visitec.vn/>**
- Mã cổ phiếu (nếu có)/*Securities code (if any)*: **TTV**

1.2. Quá trình hình thành và phát triển/*Incorporation and development process*:

- **Giai đoạn trước năm 1998:**

Ngày 01/07/1989, Xí nghiệp TTTT ĐS Vinh được thành lập và đi vào hoạt động trên cơ sở chia tách Xí nghiệp TTTT Đường sắt II Hà Nội; quản lý toàn bộ thiết bị TTTT, tuyến đường dây trần trực chính từ Km 136+200 khu gian Đồng Giao - Bim Sơn đến Km 521+600 (Bắc ga Đồng Hới) và tuyến Cầu Giát - Nghĩa Đàn.

Xí nghiệp TTTT ĐS Vinh là tổ chức sản xuất kinh doanh hoạt động theo chế độ hạch toán kinh tế nội bộ theo quy định của Xí nghiệp Liên hợp vận tải Đường sắt khu vực 1.

Ngày 30/05/1996, Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành Quyết định số 1208 - QĐ/TCCB-LĐ chuyển các Xí nghiệp TTTT Đường sắt trực thuộc Xí nghiệp Liên hợp vận tải Đường sắt khu vực 1 - Liên hiệp Đường sắt Việt Nam thành đơn vị sự nghiệp kinh tế và hoạt động theo mô hình này đến năm 1998.

- **Giai đoạn từ năm 1998 đến 2003:**

Thực hiện Nghị định 50/CP ngày 28/08/1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập, tổ chức lại, giải thể, phá sản doanh nghiệp nhà nước, liên hiệp Đường sắt Việt Nam ban hành Quyết định số 885/1998/QĐ/TCCB-LĐ ngày 17/4/1998 chuyển Xí nghiệp TTTT Đường sắt Vinh thành doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích trực thuộc Liên hiệp Đường sắt Việt Nam.

- **Giai đoạn từ năm 2003 đến 2010:**

Ngày 20/03/2003, Bộ GTVT ban hành Quyết định số 734/2003/QĐ-GTVT đổi tên thành Xí nghiệp TTTT Đường sắt Vinh thành Công ty TTTT đường sắt Vinh.

- **Giai đoạn từ năm 2010 đến 2015:**

Công ty TTTT Đường sắt Vinh được chuyển đổi thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo Quyết định số 720/QĐ-ĐS ngày 29/6/2010 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

Công ty hoạt động theo mô hình Công ty TNHH MTV do Chủ sở hữu Tổng công ty Đường sắt Việt Nam quản lý và nắm giữ 100% vốn Điều lệ hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan.

- **Giai đoạn từ tháng 01/2016 đến nay:**

Công ty TNHH MTV thông tin tin hiệu Đường sắt Vinh chuyển thành Công ty cổ phần Thông tin tin hiệu Đường sắt Vinh căn cứ theo Quyết định số 3903/QĐ-BGTVT ngày 30/10/2015 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Thông tin tin hiệu Đường sắt Vinh thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam

2. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Lines and locations of the business:*

- *Ngành nghề kinh doanh/Lines of the business:*

STT	Nội dung ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng hệ thống thông tin tin hiệu đường sắt; tư vấn đầu tư và xây dựng chuyên ngành thông tin, tin hiệu, điện. Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt.	5221 (chính)
2	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng, lắp đặt thiết bị các công trình thông tin, viễn thông, tin hiệu giao thông, điều khiển tự động, tin học; Công trình đường dây truyền tải điện, trạm biến thế, công trình điện dân dụng, chiếu sáng; xây dựng lắp đặt thiết bị công trình giao thông đường sắt, đường bộ, dân dụng và công nghiệp, hệ thống cung cấp điện, tiếp đất chống sét đường dây và trạm biến áp; chế tạo và sửa chữa thiết bị phụ tùng, sản xuất buôn bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ kiện và kết cấu thép chuyên ngành thông tin, tin hiệu, điện, viễn thông, tin học, tin hiệu giao thông.	4290
3	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn lập dự án đầu tư, tư vấn khảo sát thiết kế; Thẩm tra thẩm định báo cáo đầu tư, thẩm tra thẩm định khảo sát thiết kế, thẩm tra thẩm định dự toán; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện lắp đặt thiết bị công nghệ công trình chuyên ngành thông tin tin hiệu, điều khiển, điện.	7110
4	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Tổ chức thí nghiệm vật liệu xây dựng, công trình giao thông và chuyên ngành viễn thông, tin hiệu, điều khiển và điện.	7120
5	Đại lý du lịch. Chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế.	7911
6	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312

7	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ khách sạn	5510
8	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: dịch vụ ăn uống.	5610
9	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng	7730
10	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe con, xe 15 chỗ.	4932
11	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng	4933
12	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Chi tiết: Đầu tư, xây dựng và tổ chức kinh doanh, cung cấp dịch vụ, thương mại cơ sở hạ tầng mạng viễn thông; các dịch vụ viễn thông công ích và công cộng, dịch vụ công nghệ thông tin, tín hiệu và truyền thông; Kinh doanh các dịch vụ viễn thông, dịch vụ tin học theo quy định của pháp luật.	6209
13	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Quản lý mạng điện và phân phối cung cấp điện	3510

- Địa bàn kinh doanh/*Location of business*: **tỉnh Nghệ An, tỉnh Hà Tĩnh, tỉnh Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam.**

**3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/
*Information about governance model, business organization and managerial apparatus***

- Mô hình quản trị/*Governance model*. Công ty được tổ chức theo mô hình hoạt động của công ty cổ phần. Bao gồm:

Hội đồng quản trị : 03 người, trong đó có 1 chủ tịch và 2 thành viên

Ban Kiểm soát : 03 người

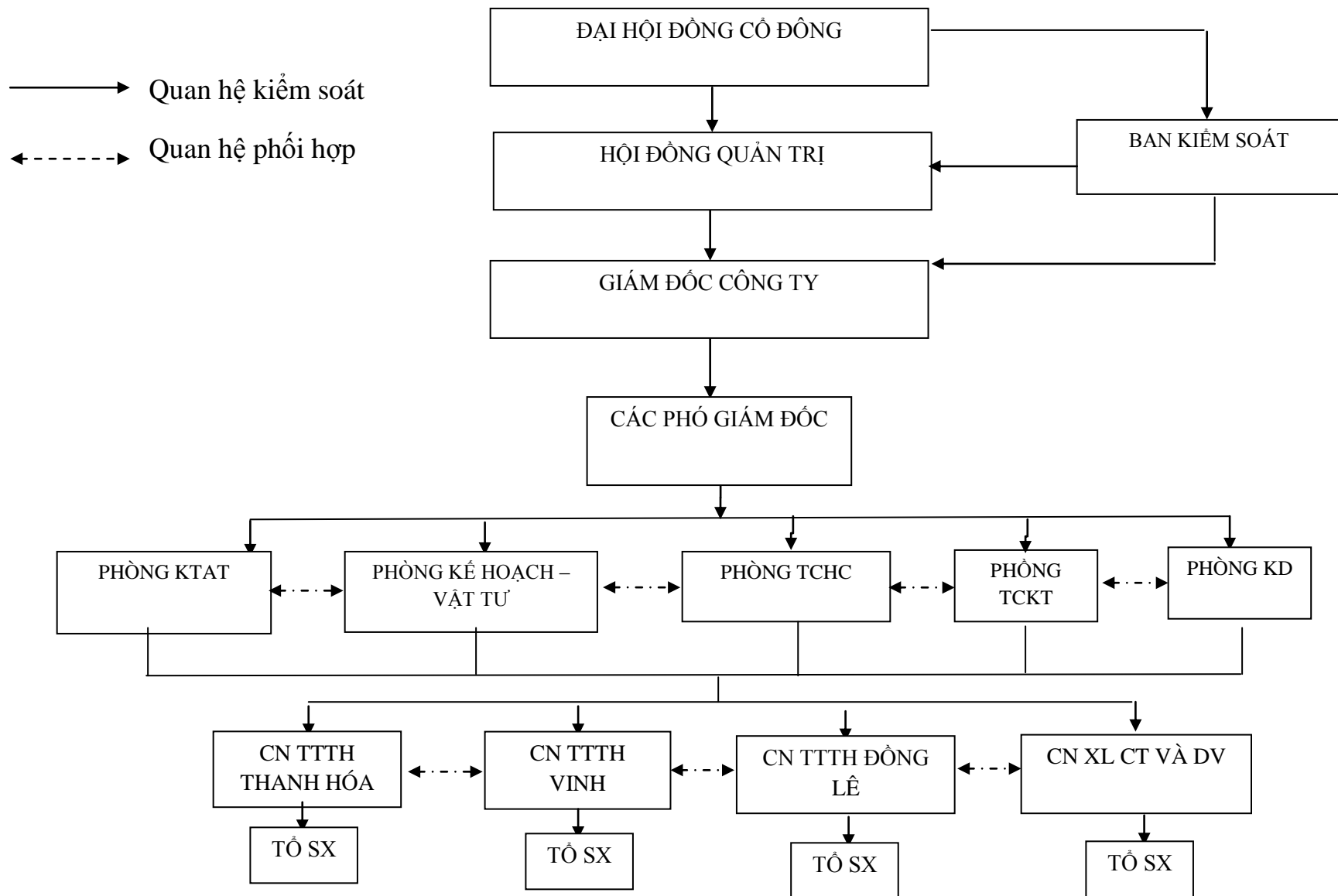
Ban điều hành : 3 người (01 giám đốc và 02 phó giám đốc)

Các phòng: Kỹ thuật An toàn, Kế hoạch Vật tư, Tổ chức hành chính, Kinh doanh, Tài chính Kế toán.

Các Chi nhánh: CN TTTH Thanh Hóa, CN TTTH Vinh, CN TTTH Đồng Lê, CN Xây lắp công trình và Dịch vụ.

Các Tổ Sản xuất.

- Cơ cấu bộ máy quản lý/*Management structure*:



4. Định hướng phát triển/ Development orientations

4.1. Trên cơ sở của tổ chức bộ máy sản xuất kinh doanh, quy mô các lĩnh vực hoạt động của Công ty sau khi cổ phần và nền tảng các nguồn lực hiện có. Công ty đưa ra kế hoạch:

- Xây dựng Công ty cổ phần TTTT ĐS Vinh phát triển bền vững, sản xuất kinh doanh có hiệu quả, có trình độ quản lý và công nghệ hiện đại, có khả năng cạnh tranh trên thị trường, doanh thu hàng năm tăng cao, đảm bảo đời sống cao cho người lao động; đóng góp đầy đủ và kịp thời nghĩa vụ đối với Nhà nước.
- Sản xuất kinh doanh luôn mang lại hiệu quả, có lợi nhuận hàng năm tăng cao; trả cổ tức đúng theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Đảm bảo hài hòa giữa lợi ích của Doanh nghiệp với lợi ích các cổ đông và người lao động.
- Doanh thu ngoài SCTX đạt từ 45% đến 50% tổng doanh thu. Thu nhập của người lao động năm sau cao hơn năm trước.
- Trả cổ tức cho các cổ đông từ 9% - 11%/năm trở lên.

4.2. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

a. Giải pháp sản xuất kinh doanh và đầu tư:

- Thường xuyên nắm bắt chủ trương của Chính phủ, Bộ giao thông vận tải và Tổng công ty đường sắt Việt Nam về việc ưu tiên tái cơ cấu phát triển ngành đường sắt, nhất là hệ thống tín hiệu đang được nhà nước đầu tư hiện đại hóa;
- Hoàn thành 100% khối lượng quản lý, bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt Quốc gia đúng theo hợp đồng đặt hàng của Tổng công ty ĐSVN; đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu, an toàn lao động, thông tin liên lạc; không có trở ngại, chậm tàu do chủ quan gây ra;
- Tăng cường áp dụng công nghệ mới vào quản trị doanh nghiệp để giảm định biên lao động như: Ứng dụng các phần mềm về quản lý Kế hoạch vật tư, Tài chính, Tổ chức nhân sự;
- Tiếp tục lắp đặt hệ thống giám sát cho 100% hệ tín hiệu đường ngang CBTĐ, giám sát các thiết bị TTTT khác trong công ty; lắp đặt hệ thống cần chắn tự động tại

các DN CBTD; Tiếp tục hợp đồng lắp đặt hệ thống giám sát tín hiệu đường ngang CBTD cho các công ty trong ngành đường sắt;

- Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt một cách kịp thời nhanh chóng; bên cạnh đó tận dụng nguồn cho thuê sử dụng KCHT ĐS được Tổng công ty phân bổ hàng năm củng cố hệ thống đường cột, hệ thống cấp quang nhằm nâng cao chất lượng và hạn chế thấp nhất những thiệt hại do thiên tai gây ra;

- Thay đổi và có sự khác biệt hóa trong đấu thầu và tìm kiếm nguồn công trình theo thế mạnh hiện có của Công ty và đặc điểm của môi trường bên ngoài:

- Tham gia thầu, thầu phụ các Dự án đầu tư KCHT ĐS, Dự án “Hiện đại hóa thiết bị TTTT Vinh-Sài Gòn GD2; Các dự án “Giải phóng mặt bằng mở rộng Quốc lộ 1A, dự án Đường sắt Cát Linh-Hà Đông” và các dự án đường sắt nội đô...vv;

- Tiếp tục mở rộng sản xuất, cung cấp sản phẩm công nghệ LED cho Công ty Xăng dầu, xuất khẩu sang nước bạn Lào; Cung cấp các biển chỉ dẫn cho các ga Đường sắt, sân bay...vv. Phát triển dịch vụ máy xúc; thiết kế lắp đặt hệ thống quảng cáo điện tử, bảng đếm điện tử tỷ số sân Tennis; hệ thống Camera; duy tu, lắp đặt hệ thống điều hòa nhiệt độ, dịch vụ sân thể thao, dịch vụ bán hàng, ăn uống tại khu vực Thanh Hóa, Vinh, Hương Phố, Đồng Lê ...v.v;

- Đột phá tạo sự khác biệt trong chất lượng thi công và thực hiện khối lượng, nâng cao công tác quản lý, rút ngắn thời gian thi công.

- Tận dụng lợi thế về đất đai để đầu tư kinh doanh mở rộng sản xuất.

b. Giải pháp về nguồn vốn

Huy Động Vốn:

- Chỉ thi công các công trình, dự án, kinh doanh bán hàng có nguồn vốn rõ ràng;

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công, lắp đặt để nghiệm thu, thanh toán các công trình, dự án, kinh doanh bán hàng trong và ngoài vốn SNKT;

- Tập trung thu hồi công nợ, nợ đọng.

- Liên doanh liên kết tạo nhiều nguồn vốn từ các đối tác và nguồn vốn xã hội hóa.

Quản lý vốn:

- Bố trí cơ cấu vốn hợp lý, nhằm tận dụng tối đa tiền vốn hiện có;
- Đầu tư vốn có trọng điểm, dùng các biện pháp nghiệp vụ để tăng nhanh vòng quay của đồng vốn;
- Tăng cường công tác thu hồi các khoản tiền vốn đang bị chiếm dụng để giảm bớt các nguồn vốn vay. Cần thiết sẽ thành lập một tổ thu hồi công nợ do 01 Phó giám đốc trực tiếp chỉ đạo và các nhân viên liên quan. Bộ phận này phải lập kế hoạch, đưa ra các giải pháp cụ thể cho việc thu hồi từng khoản nợ của các đối tượng. Đảm bảo thu hồi nhanh nhất các khoản nợ, nhất là các khoản nợ dây dưa kéo dài. Có chế tài thích hợp để bộ phận thu hồi công nợ hoạt động có hiệu quả.

c. Giải pháp về nguyên vật liệu

- Xây dựng định mức nguyên vật liệu sát thực tế hơn nữa. Căn cứ vào hồ sơ Phương án giá Bảo dưỡng TXĐK, hồ sơ thiết kế công trình, định mức tiêu hao từng loại nguyên vật liệu để cấp đủ, cấp đúng chủng loại vật liệu cho từng công trình, hạng mục công trình; Lập kế hoạch cụ thể về số lượng, chủng loại, chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật của từng loại nguyên vật liệu cho từng công trình, sản phẩm để chủ động về nguồn cung ứng, tránh thụ động làm ách tắc sản xuất kinh doanh;
- Lựa chọn nguồn cung ứng nguyên vật liệu có chất lượng tốt, giá cả hợp lý;
- Lập kế hoạch dự trữ nguyên vật liệu hợp lý để đảm bảo đầy đủ nguyên vật liệu cho sản xuất nhưng không làm ứ đọng vốn.

d. Giải pháp về nâng cao năng lực về thiết bị, công nghệ, cơ sở nhà đất

- Tập trung khắc phục sửa chữa những thiết bị hiện có, rà soát lại các thiết bị không sử dụng tiến hành thanh lý để thu hồi vốn; đầu tư công nghệ tiên tiến, tiết kiệm nhiên liệu, bảo vệ môi trường để đảm nhận thi công được các dự án công trình, sản phẩm dịch vụ trúng thầu hoặc được giao;
- Rà soát nguồn lực hiện có, xây dựng phương án quản lý, sử dụng, khai thác hiệu quả, phát huy được tối đa tất cả các nguồn lực hiện có;
- Tích cực triển khai nghiên cứu ứng dụng, đầu tư cho đổi mới quản trị, công nghệ, đổi mới sản phẩm dịch vụ, từng bước nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm, đáp ứng

tiêu chuẩn môi trường; thay thế dần các thiết bị, công nghệ tiêu tốn nhiều năng lượng, nguyên liệu để không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm; tiếp cận nhanh với công nghệ và kỹ thuật xây dựng, tạo sản phẩm tiên tiến, tăng cường hiệu quả kinh doanh, phát triển bền vững;

- Có phương án kinh doanh hợp lý, hiệu quả các cơ sở nhà đất Công ty quản lý.

e. Giải pháp về lao động tiền lương

Về chính sách lao động:

- Đảm bảo đủ số lượng và chất lượng lao động phù hợp với quy mô tổ chức sản xuất của Công ty trong từng giai đoạn cụ thể;

- Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ kỹ thuật, quản lý bằng các biện pháp cụ thể: Gửi đi học các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ ở trong và ngoài nước;

- Xây dựng tiêu chuẩn viên chức chuyên môn nghiệp vụ gắn liền với các chức danh để tuyển dụng và bố trí cán bộ;

- Đưa ra các chính sách đãi ngộ thoả đáng nhằm thu hút những cán bộ kỹ thuật, quản lý có trình độ chuyên môn cao; Công nhân kỹ thuật có trình độ lành nghề; nhân viên bán hàng giỏi...vv;

Về chính sách tiền lương

- Xây dựng đơn giá tiền lương trên cơ sở định mức lao động hợp lý;

- Đối với lao động trực tiếp: Khoán tiền lương theo từng đơn vị sản phẩm, hạng mục công việc đến từng tổ sản xuất và người lao động; lấy đơn giá tiền lương thực tế theo áp dụng khoa học kỹ thuật và dụng cụ lao động liên tục để tăng năng suất lao động và giảm chi phí.

- Đối với lao động gián tiếp: Trả lương phù hợp với năng suất làm việc cụ thể của từng người; Khoán mức lương cụ thể cho từng phòng ban, cơ quan các CN theo nhiệm vụ được giao;

- Có chế độ khen thưởng kịp thời cho các tập thể, cá nhân có sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong sản xuất, trong kinh doanh bán hàng mang lại hiệu quả kinh tế cho Công ty;

f. Giải pháp về mở rộng thị trường:

Công tác mở rộng thị trường được xem là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong công tác tổ chức sản xuất và đề ra các giải pháp cụ thể như:

- Tập trung tìm kiếm các công trình, dự án có nguồn vốn đầu tư rõ ràng;
- Nâng cao năng lực đấu thầu và năng lực cho bộ phận, cán bộ làm công tác đấu thầu, cán bộ nhân viên kinh doanh bán hàng;
- Tiếp tục củng cố và giữ vững các thị trường, địa bàn đã có và mở rộng các địa bàn trong cả nước, nước ngoài;
- Tăng cường hợp tác bằng các hình thức liên danh liên kết với các công ty bạn, xây dựng mối quan hệ tốt với các đối tác tránh rủi ro trong tìm kiếm việc làm;
- Về ngắn hạn: đấu thầu và trúng thầu thực hiện thi công các công trình: Gói thầu 1A: Công trình dịch chuyển đường dây thông tin đường sắt tuyến TN TP Hà Nội-TP Hồ Chí Minh; Các dự án An toàn giao thông đường sắt theo QĐ 1856 của Thủ tướng chính phủ GD3; Dự án nâng cao năng lực đường sắt dự kiến 7.000 tỷ giai đoạn năm 2017-2020,...
- Về dài hạn, Công ty tiếp tục tham gia đấu thầu các công trình phục vụ hiện đại hóa TTHH đường sắt, các gói thầu phục vụ nâng cấp kết cấu hạ tầng đường sắt, gói thầu quản lý, sửa chữa đường sắt chuyên dùng tại các khu công nghiệp Cảng Nghi Sơn, Cảng Vũng Áng, các nhà máy Xi măng ...;
- Tham gia thầu, thầu phụ các Dự án đầu tư KCHT ĐS, Dự án “Hiện đại hóa thiết bị TTHH Vinh-Sài Gòn GD2; Các dự án “Giải phóng mặt bằng mở rộng Quốc lộ 1A, làm cầu vượt”...;
- Tiếp tục mở rộng sản xuất, cung cấp sản phẩm công nghệ LED; Cung cấp các biển chỉ dẫn cho các ga Đường sắt, sân bay...vv. Phát triển dịch vụ máy xúc; thiết kế lắp đặt hệ thống quảng cáo điện tử, bảng đếm điện tử tỷ số sân Tennis; hệ thống Camera; duy tu, lắp đặt hệ thống điều hòa nhiệt độ, dịch vụ sân thể thao, dịch vụ bán hàng, ăn uống ; liên doanh, liên kết xây dựng các khu chung cư cao tầng...;

- Đột phá tạo sự khác biệt trong chất lượng thi công và thực hiện khối lượng, nâng cao công tác quản lý, rút ngắn thời gian thi công;

5. Các rủi ro/ Risks:

- **Rủi ro kinh tế:** Sự biến động của nền kinh tế vĩ mô như: lạm phát, lãi suất,... ảnh hưởng trực tiếp đến công ty, đặc biệt khi doanh thu của công ty phần lớn phụ thuộc vào hoạt động sản xuất công ích được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước. Nợ công Việt Nam ngày càng có xu hướng tăng cao, tuy vẫn nằm trong giới hạn cho phép của Quốc Hội, nhưng với tình hình nợ công cao sẽ dẫn tới eo hẹp ngân sách và nguồn vốn dành cho đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng đường sắt ít nhiều bị ảnh hưởng.
- **Rủi ro pháp lý:** năm 2016 đánh dấu một bước quan trọng khi công ty chính thức chuyển đổi và hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần và đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường Upcom. Mô hình mới có nhiều quy định pháp lý mới, đòi hỏi công ty phải cập nhật và đổi mới cho phù hợp.
- **Rủi ro cạnh tranh:** Hiện nay, sau khi có sự tái cấu trúc mạnh mẽ của nền kinh tế nói chung và sự tái cơ cấu của khối doanh nghiệp nhà nước nói riêng góp phần “thay máu” cho nền kinh tế và đặt công ty trước sự cạnh tranh khốc liệt hơn, đòi hỏi công ty phải có sự thay đổi về năng lực cạnh tranh.

II. Tình hình hoạt động trong năm/ Yearly Operations

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ Situation of production and business operations

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2015
1	Doanh thu	75.866.421.376	82.102.884.324
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	75.866.421.376	82.102.884.324
4	Giá vốn hàng bán	66.669.564.306	69.386.396.239
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.196.857.070	12.716.488.085
6	Doanh thu hoạt động tài chính	228.243.095	133.845.119
7	Chi phí tài chính	37.555.551	-

8	Chi phí bán hàng	-	-
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.456.080.136	9.288.991.900
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.931.464.478	3.561.341.304
11	Thu nhập khác	-	38.938.119
12	Chi phí khác	39.063.164	38.938.119
13	Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.892.401.314	3.561.341.304
14	Thuế TNDN	578.480.262	783.495.087
15	Lợi nhuận sau thuế	2.313.921.052	2.777.846.217

- Các chỉ tiêu về doanh thu lợi nhuận có giảm sút so với năm 2015, nguyên nhân do:
 - Năm 2015, doanh thu tăng đột biến do các đối tác lớn của công ty cũng cổ phần hóa, vì vậy tập trung thực hiện các công trình còn dở dang.
 - Khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa, công ty phát sinh thêm nhiều khoản chi phí như: chi phí giải quyết lao động dôi dư, chi phí lợi thế kinh doanh, chi phí khấu hao tăng do đánh giá lại TSCĐ, công cụ dụng cụ,... tạo nên áp lực cho sản xuất kinh doanh.
 - Một số công trình dự kiến có thể thực hiện được trong năm nhưng do các lý do khách quan từ chủ đầu tư mà chưa thực hiện được trong năm 2016: dự án Detot Hà Đông, dự án cầu vượt Hưng Tây,...

So với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông đề ra, tuy chỉ tiêu doanh thu chỉ đạt 93% kế hoạch nhưng công ty đã hoàn thành vượt mức chỉ tiêu về lợi nhuận. Với bước đầu nhiều khó khăn và thách thức như trên, kết quả kinh doanh năm 2016 đã cho thấy sự cố gắng không ngừng của ban điều hành, hứa hẹn một giai đoạn mới nhiều thành công trong tương lai.

2. Tổ chức và nhân sự/Organization and Human resource

- Danh sách Ban điều hành/ *List of the Board of Directors:*

2.1. Kế toán trưởng

Họ và tên	: Lê Thị Tú Anh
Giới tính	: Nữ

Ngày tháng năm sinh	: 15/07/1966
Nơi sinh	: Hà Tĩnh
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân
Chức vụ hiện nay	: Thành viên HĐQT kiêm kế toán trưởng
Quá trình công tác	- Từ tháng 04/1990 đến tháng 9/2002: Nhân viên kế toán tổng hợp – Phòng Tài chính kế toán Công ty Thông tin tín hiệu ĐS Vinh - Từ tháng 10/2002 đến tháng 11/2003: Phó phòng tài chính Công ty Thông tin tín hiệu Đường sắt Vinh - Từ tháng 8/2007 - Nay: Kế toán trưởng UV BCH Đảng ủy, UV BCH công đoàn công ty thông tin tín hiệu Đường sắt Vinh
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	: 72.151 cổ phần
<i>Trong đó</i>	
- Sở hữu cá nhân	: 72.151 cổ phần
- Được ủy quyền đại diện	: 0 cổ phần

2.2. Ban giám đốc

a. Giám đốc

Họ và tên	Nguyễn Cảnh Tùng
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	03/01/1969
Nơi sinh	Hà Tĩnh
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Thông tin tín hiệu-Cử nhân quản trị kinh doanh
Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty
Quá trình công tác	- Từ tháng 02/1993 đến tháng 03/1997: Cán bộ kỹ thuật tại Xí nghiệp TTTT Cầu Giát thuộc công ty TTTT ĐS Vinh - Từ tháng 4/1997 đến tháng 2/2002: UV ban chấp hành Đảng ủy, Bí thư Chi bộ, Hạt trưởng Hạt TTTT Đồng Lê thuộc công ty TTTT ĐS Vinh - Từ tháng 03/2002 đến tháng 06/2008: UV ban chấp hành Đảng ủy, Bí thư Chi bộ, Hạt trưởng Hạt TTTT Vinh thuộc

	công ty TTTH ĐS Vinh.
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	: 409.482 cổ phần
Trong đó	
- Sở hữu cá nhân	: 74.463 cổ phần
- Được ủy quyền đại diện	: 335.019 cổ phần

b. Ông Nguyễn Văn Hưng – Phó Giám đốc

Họ và tên	: Nguyễn Văn Hưng
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 01/07/1965
Nơi sinh	: Thanh Hóa
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ tự động hóa
Chức vụ hiện nay	: Phó giám đốc
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Từ tháng 10/1990 đến tháng 3/1992: kỹ sư tập sự tại Hạt TTTH Đồng Lê - Từ tháng 4/1992 đến tháng 10/1992: kỹ sư tập sự tại Hạt Nghệ Tĩnh 1. - Từ tháng 11/1992 đến tháng 6/1998: Kỹ thuật viên tín hiệu Hạt TTTH Nghệ Tĩnh 2. - Từ tháng 7/1998 đến tháng 4/2003: Hạt trưởng Hạt TTTH Nghệ Tĩnh 2. - Từ tháng 5/2003 đến tháng 5/2009: Phó phòng kỹ thuật công ty TTTH ĐS Vinh - Từ tháng 6/2009 đến nay: Phó giám đốc công ty TTTH ĐS Vinh.
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	: 6.000 cổ phần
Trong đó	
- Sở hữu cá nhân	: 6.000 cổ phần
- Được ủy quyền đại diện	: 0 cổ phần

c. Ông Lê Thành Nam – Phó Giám đốc

Họ và tên	: Lê Thành Nam
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 17/04/1958
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư thông tin
Chức vụ hiện nay	: Phó giám đốc
Quá trình công tác	- Từ tháng 02/1982 đến tháng 08/1993: Kỹ thuật viên, Hạt phó, Hạt trưởng Hạt TTTH Nghệ Tĩnh 2. - Từ tháng 09/1993 đến tháng 03/2011: Trưởng phòng TCLD Công ty TTTH ĐS Vinh. - Từ tháng 03/2011 đến nay: Phó giám đốc công ty TTTH ĐS Vinh.
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	: 3.400 cổ phần
Trong đó	
- Sở hữu cá nhân	: 3.400 cổ phần
- Được ủy quyền đại diện	: 0 cổ phần

- Số lượng cán bộ, nhân viên: 300 người.

Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động./Number of staffs. Summary and changes of the employee policies.

- Xây dựng và áp dụng hệ thống thang bảng lương mới, sắp xếp hệ số lương cho người lao động theo đúng chức danh, công việc đang đảm nhận.
- Áp dụng mức lương tối thiểu vùng 2016 là 2,7 triệu/tháng

3. Tình hình tài chính/ Financial situation

a. Tình hình tài chính/ Financial situation

Chỉ tiêu/ <i>Financial Figure</i>	Năm/Year 2016 (VNĐ)	Năm/Year 2015 (VNĐ)	% tăng giảm/ % change
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>	44.551.262.892	65.456.805.243	68,06
Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i>	75.866.421.376	82.102.884.324	92,40
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit</i>	2.931.464.478	3.561.341.304	82,31

<i>from operating activities</i>			
Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i>	-39.063.164	0	
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>	2.892.401.314	3.561.341.304	81,22
Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>	2.313.921.052	2.777.846.217	83,30
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ <i>Payout ratio</i> (Dự kiến)	60%	60%	100,00

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/Major financial benchmarks:

Chỉ tiêu/ <i>Benchmarks</i>	Năm/Year 2016	Năm/Year 2015	Ghi chú/Note
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <i>Current ratio:</i> Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (<i>Short term Asset/Short term debt</i>)	1,19	1,02	
+ Hệ số thanh toán nhanh/ <i>Quick ratio:</i> <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn <i>Short term Asset - Inventories</i> <i>Short term Debt</i>	1,06	0,92	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ capital structure Ratio</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/Total assets ratio</i>)	0,65	0,80	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (<i>Debt/Owners' Equity ratio</i>)	1,88	3,98	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover:</i> Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>)	14,64	10,00	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability</i>			

+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i>)	0,03	0,03	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/ total capital Ratio</i>)	0,16	0,07	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/ Total assets Ratio</i>)	0,04	0,03	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Operating profit/ Net revenue Ratio</i>)	0,04	0,04	

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Shareholders structure, change in the owner's equity.

a. Cổ phần/Shares: .

Diễn giải	Số lượng
Tổng số cổ phần	1.313.800
Loại cổ phần	phổ thông
Trong đó	
Số cổ phần chuyển nhượng tự do	1.234.972
Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng	78.828

b. Cơ cấu cổ đông/Shareholders structure:

Diễn giải	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
Phân theo tỷ lệ sở hữu	1.313.800	100,00%
Cổ đông lớn	920.046	70,03%
Cổ đông nhỏ	393.754	29,97%
Phân theo tổ chức/cá nhân	1.313.800	100,00%
Cổ đông tổ chức	670.038	51,00%
Cổ đông cá nhân	643.762	49,00%
Phân theo yếu tố nước ngoài	1.313.800	100,00%
Cổ đông trong nước	1.313.800	100,00%
Cổ đông nước ngoài	-	0,00%

Phân theo yếu tố nhà nước	:	1.313.800	100,00%
Cổ đông nhà nước	:	670.038	51,00%
Cổ đông khác	:	643.762	49,00%

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ *Report and assessment of the Board of Management* (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/the Board of Management reports and assesses on the situation in all aspects of the Company)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ *Assessment of operating results*

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm	Thực hiện		Tỷ lệ % thực hiện so với...	
				Cùng kỳ	Kỳ báo cáo	Cùng kỳ năm trước	Kế hoạch
I	Sản lượng chủ yếu	Tr.đ	89.100	90.503	83.704	92,49	93,94
II	Tổng doanh thu	Tr.đ	81.000	82.276	76.094	92,49	93,94
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tr.đ	81.000	82.103	75.866	92,40	93,66
2	Doanh thu hoạt động tài chính	Tr.đ	-	134	228	170,15	
3	Thu nhập khác	Tr.đ	-	39	-		
III	Tổng chi phí	Tr.đ	78.246	78.714	73.203	93,00	93,55
1	Giá vốn	Tr.đ	70.669	69.386	66.670	96,09	94,34
2	Chi phí kinh doanh	Tr.đ	7.577	9.289	6.456	69,50	85,21
3	Chi phí tài chính/CP khác	Tr.đ	-	39	77	197,44	
IV	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	2.754	3.561	2.892	81,21	105,01
V	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	2.203	2.778	2.314	83,30	105,04
VI	Thu nhập BQ	1000Đ/ ng/tháng	7.000	7.500	8.100	108	124,29

Về doanh thu:

Năm 2016 so với năm 2015, doanh thu và lợi nhuận công ty có giảm hơn so với năm trước nguyên nhân là do năm 2015, doanh thu tăng đột biến do các đối tác lớn của công ty cũng cổ phần hóa, vì vậy tập trung thực hiện các công trình còn dở dang. Mặt khác, khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa, công ty phát sinh thêm nhiều khoản chi phí như: chi phí giải quyết lao động dôi dư, chi phí lợi thế kinh doanh, chi phí khấu hao tăng do đánh giá lại TSCĐ, công cụ dụng cụ,... tạo nên áp lực cho sản xuất kinh doanh.

Doanh thu năm 2016 của công ty đạt hơn 76 tỷ đồng, đạt 93% kế hoạch. Doanh thu của công ty chủ yếu xuất phát từ hoạt động quản lý, bảo dưỡng thường xuyên KCHT Đường sắt Quốc gia, phụ thuộc rất nhiều vào Ngân sách nhà nước. Khi lập kế hoạch cho năm 2016 để phục vụ cho Đại hội đồng cổ đông lần đầu, công ty dự kiến doanh thu từ hoạt động này là 46,5 tỷ, tăng 10% so với thực hiện năm 2015. Tuy nhiên, trong bối cảnh khó khăn của NSNN nói chung và toàn ngành đường sắt nói riêng thì doanh thu thực hiện năm 2016 của hoạt động này giảm sút so với dự kiến, chỉ đạt 45,6 tỷ, bằng 98% kế hoạch.

Ngoài ra, doanh thu từ hoạt động sản xuất ngoài công ích giảm đi. Bước vào năm 2016 sau khi đã hoàn thành công tác cổ phần hóa và chính thức trở thành các công ty cổ phần, công ty gặp phải sức cạnh tranh khốc liệt từ các công ty và đơn vị ngoài ngành, do đó số lượng các công trình mà công ty đấu thầu được giảm sút.

Bên cạnh việc dự kiến doanh thu chưa sát với thực tế khi sử dụng các chỉ tiêu có sự tăng đột biến bất thường trong năm tài chính 2015 để lập kế hoạch, thì nguyên nhân còn do một số công trình dự kiến có thể thực hiện được trong năm nhưng vì các lý do khách quan từ chủ đầu tư mà chưa thực hiện được trong năm 2016: dự án Detot Hà Đông, dự án cầu vượt Hưng Tây,...

Về chỉ tiêu lợi nhuận:

Lợi nhuận trước thuế và sau thuế đều hoàn thành vượt mức kế hoạch được giao, tăng 5,01%, đó là do trong năm vừa qua, bước sang công ty cổ phần, công ty đã có những giải pháp thiết thực để tiết giảm các chi phí. Bằng chứng là doanh thu có giảm đi 6,06% so với kế hoạch, nhưng tốc độ giảm doanh thu chậm hơn tốc độ giảm chi phí (tổng chi phí giảm 6,45%), vì vậy nên công ty vẫn hoàn thành vượt mức chỉ tiêu về lợi nhuận. Đặc biệt, chi phí kinh doanh giảm đi rõ rệt so với kế hoạch (giảm 14,7%) cho thấy công ty đã chú trọng cắt giảm các khoản chi phí nằm trong chi phí chung.

Về chế độ cho người lao động:

Thu nhập bình quân đầu người lao động tăng hơn so với kế hoạch và năm trước. Trong bối cảnh doanh thu trong năm giảm đi do doanh thu từ các công trình giảm xuống, nhưng công ty vẫn đảm bảo được thu nhập cho người lao động ở mức bình quân là xấp xỉ 8,1 triệu/ người/tháng, tăng 24,29% so với kế hoạch.

2. Tình hình tài chính/ Financial Situation

a. Tình hình tài sản/ Assets

Chỉ tiêu	Số tuyệt đối		Tăng (giảm) (%)	Tỷ trọng (%)		
	Số cuối năm	Số đầu năm		Cuối năm	Đầu năm	Tăng /giảm
Tài sản ngắn hạn	34.702.198.407	53.214.298.534	(-34,79)	77,89	81,30	(-3,40)
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.160.212.629	17.039.732.380	(-87,32)	4,85	26,03	(-21,18)
Các khoản phải thu ngắn hạn	28.659.050.773	30.500.727.055	(-6,04)	64,33	46,60	17,73
Hàng tồn kho	3.882.935.005	5.226.214.943	(-25,70)	8,72	7,98	0,73
TSNH khác		447.624.156	(-100,00)	0,00	0,68	(-0,68)
Tài sản dài hạn	9.849.064.485	12.242.506.709	(-19,55)	22,11	18,70	3,40
Tài sản cố định hữu hình	8.546.763.364	10.284.554.934	(-16,90)	19,18	15,71	3,47
Tài sản dài hạn khác	1.302.301.121	1.957.951.775	(-33,49)	2,92	2,99	(-0,07)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	44.551.262.892	65.456.805.243	(-31,94)	100,00	100,00	0,00

Tổng tài sản của công ty trong năm vừa qua giảm 31,94%, do chuyển đổi mô hình thành công ty cổ phần, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam thoái vốn khiến cho quy mô của công ty giảm đi.

b. Tình hình nợ phải trả/ *Liabilities*

Chỉ tiêu	Số tuyệt đối			Tăng (giảm) (%)
	Số cuối năm	Số đầu năm	Tăng (giảm)	
Nợ ngắn hạn	29.099.341.840	52.318.805.243	(-23.219.463.403)	(-44,38)
Nợ dài hạn	-	-	(0)	
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ	29.099.341.840	52.318.805.243	- 23.219.463.403	

Nợ phải trả hiện tại của công ty là hơn 29 tỷ đồng, chiếm 65% tổng nguồn vốn, trong đó toàn bộ là nợ ngắn hạn. Nợ ngắn hạn của công ty giảm mạnh, nguyên nhân là do năm đầu tiên cổ phần hóa, công ty chú trọng dứt điểm các khoản phải trả người lao động dôi dư, các khoản công nợ người bán của năm trước.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ Improvements in organizational structure, policies, management:

Khi chuyển sang mô hình công ty cổ phần, công ty đã có sự thay đổi về cơ bản trên tất cả các mặt theo xu hướng tinh giảm bộ máy tổ chức, hiện đại hóa công tác quản lý bằng những biện pháp hợp lý:

- Xây dựng hệ thống thang bảng lương mới, phù hợp với mô hình mới, góp phần thúc đẩy năng suất lao động.
- Bộ máy tổ chức được tinh giảm do quy mô giảm từ 5 chi nhánh còn 4 chi nhánh, các phòng ban công ty được tách biệt, phân lại theo xu hướng chuyên môn hóa chức năng nhiệm vụ.
- Thực hiện chính sách tinh giảm lao động sau cổ phần hóa, cổ động người lao động không đáp ứng được mô hình mới chấm dứt hợp đồng sau khi tiến hành các chính sách đối với lao động dôi dư. Bên cạnh đó, công tác tuyển dụng mới với tiêu chí mới cũng được đề cao.

- Tiết kiệm, tinh giảm các chi phí nằm trong chi phí chung. Bằng chứng là doanh thu có giảm đi 6,06% so với kế hoạch, nhưng tốc độ giảm doanh thu chậm hơn tốc độ giảm chi phí (tổng chi phí giảm 6,45%), vì vậy nên công ty vẫn hoàn thành vượt mức chỉ tiêu về lợi nhuận.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/ Development plans in the future

Năm 2016 là một bước ngoặt lớn trong lịch sử hình thành và phát triển của công ty, khi lần đầu tiên hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần, đặt ra nhiều lợi thế và cũng nhiều thách thức cho hoạt động kinh doanh của công ty.

- Lợi thế: khi công ty trở thành công ty cổ phần, công ty có điều kiện hơn trong công tác huy động vốn từ thị trường chứng khoán. Mặt khác, khi trở thành công ty cổ phần nhà nước sở hữu cổ phần chi phối, công ty có được sự tự chủ hơn về tài chính để có thể thực hiện các phương án kinh doanh của mình.

- Thách thức: mô hình mới chịu quy phạm của nhiều văn bản pháp luật, các quy định mới, các tiêu chuẩn mới của thị trường, đặc biệt là thị trường chứng khoán. Mặt khác, áp lực cạnh tranh từ các đơn vị trong và ngoài ngành trong bối cảnh nền kinh tế đang tái cấu trúc mạnh mẽ cũng là một thách thức không nhỏ với công ty.

Đứng trước những thách thức của giai đoạn mới và tình hình kinh doanh của năm 2016 đã qua, các công việc trọng tâm trong năm 2017 như sau:

- Về tổ chức: Duy trì bộ máy tổ chức theo mô hình tập trung, tinh gọn, đa năng với mục tiêu đạt hiệu quả công việc lên hàng đầu.

- Về chi phí: Cơ cấu lại hệ thống chi phí, kiểm soát chặt chẽ tất cả các chi phí vận hành, cắt giảm chi phí không cần thiết góp phần nâng cao lợi nhuận, tăng giá trị doanh nghiệp.

- Về doanh thu: Tập trung đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh. Ngành nghề mũi nhọn vẫn là công tác duy tu sửa chữa thường xuyên kết cấu hạ tầng ĐS quốc gia, tuy nhiên tập trung vào 2 mảng tiềm năng là công trình dự án và kinh doanh dịch vụ, phần đầu tăng trưởng tỷ trọng doanh thu từ 2 mảng này chiếm trên 50% doanh thu. Tích cực quảng cáo, nâng cao năng lực đấu thầu công trình dự án.

- Về con người: thực hiện chính sách tuyển dụng mở, tuyển dụng dựa trên tiêu chí chất lượng lao động, thành thạo công việc, có kinh nghiệm và tay nghề cao.
- Về công nghệ: áp dụng công nghệ vào việc quản lý, thay thế dần các công đoạn thủ công hiện tại như phần mềm chấm công và tính lương, phần mềm quản lý công trình, quản lý kế hoạch, phần mềm quản lý phòng máy từ xa,...

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/Assessments of the Board of Management on the Company's operation (for joint stock companies):

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ Assessments of the Board of Management on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.

Đối với hoạt động kinh doanh:

Trong năm 2016, doanh thu năm đầu tiên cổ phần hóa tuy chỉ đạt 93% kế hoạch mà đại hội đồng cổ đông giao đầu năm, nhưng chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế- chỉ tiêu gắn liền với lợi ích của cổ đông nhất thì công ty đã hoàn thành vượt mức 5%, cho thấy sự cố gắng của Ban giám đốc trong việc tiết giảm chi phí hoạt động và mở rộng thị trường.

Tình hình tài chính của công ty

Chỉ tiêu/ Benchmarks	Năm/Year 2016	Năm/Year 2015	Ghi chú/Note
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/Current ratio: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (<i>Short term Asset/Short term debt</i>)	1,19	1,02	
+ Hệ số thanh toán nhanh/ <i>Quick ratio</i> : <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn <i>Short term Asset - Inventories</i> <i>Short term Debt</i>	1,06	0,92	

2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ capital structure Ratio			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/Total assets ratio</i>)	0,65	0,80	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (<i>Debt/Owners' Equity ratio</i>)	1,88	3,98	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio			
+ Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover:</i> Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>)	14,64	10,00	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i>)	0,03	0,03	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/ total capital Ratio</i>)	0,16	0,07	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/ Total assets Ratio</i>)	0,04	0,03	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Operating profit/ Net revenue Ratio</i>)	0,04	0,04	

- Khả năng thanh toán: Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn và hệ số khả năng thanh toán nhanh đều lớn hơn 1 và có xu hướng tăng, cho thấy khả năng thanh toán của công ty đang phát triển theo chiều hướng tích cực.
- Cơ cấu vốn: qua một năm cơ cấu nợ của công ty biến động theo xu hướng giảm tỷ trọng nợ phải trả, hệ số nợ giảm từ 0,8 đầu năm xuống còn 0,65 vào cuối năm, chứng tỏ mức độ an toàn tài chính ngày càng cao.
- Năng lực hoạt động thể hiện ở vòng quay hàng tồn kho: Với đặc điểm là công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, hàng tồn kho (bao gồm các chi phí của các công trình dở dang chưa hoàn thành) thường chiếm tỷ trọng lớn, và tính thanh khoản của khoản mục này ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh và dòng tiền của công ty. Tuy nhiên, vòng quay hàng tồn kho cuối năm 2016 so với đầu năm có xu hướng tăng, cho

thấy việc quản lý tính thanh khoản của các công trình dở dang, công ty đang thực hiện rất tốt.

- Khả năng sinh lời: Khả năng sinh lời rất khả quan khi các chỉ tiêu về tỷ suất lợi nhuận đều bằng hoặc cao hơn năm trước. Đặc biệt 2 chỉ tiêu quan trọng nhất đối với cổ đông và hình ảnh của công ty trên thị trường chứng khoán là ROA (lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản) và ROE (lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu) có chiều hướng tăng mạnh so với năm trước, cho thấy trong bối cảnh quy mô vốn và tài sản giảm đi do động thái thoái vốn từ tổng công ty, lợi ích của cổ đông vẫn được đảm bảo.

Công tác tổ chức bộ máy quản lý: Bộ máy công ty đã được tinh gọn hơn theo xu hướng giảm biên chế, giảm cơ cấu bộ máy từ 5 Chi nhánh trực thuộc xuống còn 4 Chi nhánh, các phòng ban cũng được cơ cấu lại khi thiết lập riêng một phòng chuyên trách mảng kinh doanh dịch vụ, dự án công trình.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management' performance:

Trong năm 2016, ban giám đốc đã có nhiều nỗ lực đáng kể trong việc ổn định hoạt động của công ty trong bối cảnh hoạt động của công ty gặp nhiều vướng mắc và khó khăn trong mô hình mới.

Ban giám đốc đã có những công tác cụ thể nhằm triển khai có hiệu quả những phương hướng, nhiệm vụ mà HĐQT đã đặt ra với tinh thần trách nhiệm cao nhất.

Về vận hành, tác nghiệp, nhìn chung được thực hiện quy chuẩn, phân chia trách nhiệm rõ ràng, cụ thể, tuân thủ quy trình vận hành và đảm bảo phục vụ các đối tác với chất lượng tốt nhất.

Tóm lại, trong năm 2016, ban giám đốc đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông và hội đồng quản trị giao phó, đã khôi phục được hoạt động kinh doanh trong bối cảnh mới gặp nhiều thách thức khó khăn, tạo nền tảng cho công cuộc tái cấu trúc ngành đường sắt nói chung và hoạt động kinh doanh sắp tới của công ty nói riêng.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/ Plans, orientations of the Board of Directors

Trên cơ sở những thành quả đạt được trong năm 2016 cũng như các vấn đề còn tồn tại, với nhận định nền kinh tế còn nhiều biến động và khó khăn, mặc dù công ty đã vượt qua được những khó khăn trước mắt nhưng để tồn tại và phát triển ổn định, HĐQT xác định phải tiếp tục thực hiện có hiệu quả các giải pháp sau:

- Tích cực tiết kiệm chi phí, đặc biệt là các khoản chi phí nằm trong chi phí chung;
- Mở rộng sản xuất đa dạng hóa ngành nghề sang các lĩnh vực công trình dự án và kinh doanh dịch vụ, đặc biệt thúc đẩy kinh doanh dịch vụ do đây là ngành có tỷ suất sinh lợi cao;
- Liên doanh liên kết tận dụng nguồn lực hiện tại của công ty như đất đai, nhà ở và các ngành nghề chủ yếu để mở rộng đầu tư kinh doanh; liên doanh, liên kết xây dựng các khu chung cư cao tầng phục vụ nhu cầu phát triển của thị trường bất động sản tại TP. Vinh;
- Mở rộng đầu tư từ nguồn khấu hao do xác định lại giá trị doanh nghiệp;
- Nâng cao năng lực nội tại của doanh nghiệp: bắt đầu từ nâng cao chất lượng lao động, đào tạo lao động chuyên nghiệp, năng động, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty; xây dựng văn hóa doanh nghiệp, tạo môi trường làm việc cởi mở, thân thiện;
- Tích cực tham gia đấu thầu các công trình phục vụ hiện đại hóa TTTT đường sắt, các gói thầu phục vụ nâng cấp kết cấu hạ tầng đường sắt, gói thầu quản lý, sửa chữa đường sắt chuyên dùng tại các khu công nghiệp Cảng Nghi Sơn, Cảng Vũng Áng, các nhà máy Xi măng; Các gói thầu đường sắt nội đô TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh; Các dự án An toàn giao thông đường sắt theo QĐ 1856 của Thủ tướng chính phủ GD3; Dự án nâng cao năng lực đường sắt dự kiến 7.000 tỷ giai đoạn 2017-2020,...

V. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*

1. Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions:

Trích ý kiến kiểm toán nêu trong báo cáo kiểm toán độc lập số 055/2017/BCKT-PB.00011 phát hành bởi Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam ngày 20/02/2017: “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên

các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của công ty tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính từ ngày 12/01/2016 và kết thúc ngày 31/12/2016, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2016/Audited financial statements: chi tiết vui lòng xem trong bản đính kèm báo cáo này.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHAIRMAN OF THE BOD**



Nguyễn Duy Sâm